

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 561/2024/DS-ST

Ngày: 13-8-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng

vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Hồng Hải**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Tịnh Tâm**.

2. Bà **Nguyễn Thị Kim Liên**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thúy Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Tâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 413/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 389/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Kim A**, sinh năm 1968. (Có mặt)

Địa chỉ: B Ấp G, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1. Ông **Trương Thanh P**, sinh năm 1956. (Có mặt)

2. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1961. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: D Ấp G, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Kim A trình bày:

Ngày 07/7/2020, ông Trương Thanh P, sinh năm 1956 cùng vợ là bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961 đã ký với bà Phạm Thị Kim A Biên bản thỏa thuận giao nhận tiền. Theo Biên bản thỏa thuận, bà Kim A cho vợ chồng ông P và bà T vay số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu), thời hạn vay là 02 (hai) năm kể từ ngày 07/7/2020.

Theo Biên bản thỏa thuận ngày 07/7/2020, vợ chồng ông P và bà T có trách nhiệm thực hiện trả nợ gốc và lãi cho bà Kim A nhưng đến nay vợ chồng ông P và bà T không thực hiện theo thỏa thuận.

Vì vậy, bà Kim A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề sau:

Buộc ông Trương Thanh P, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961, cùng địa chỉ: D Ấp G, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh phải trả ngay cho bà Kim A số tiền còn nợ theo Biên bản thỏa thuận giao nhận tiền ngày 07/7/2020 với số tiền nợ là 600.000.000 đồng. Không yêu cầu tính tiền lãi đến ngày xét xử, tuy nhiên từ sau ngày xét xử đề nghị Tòa án tính lãi cho bà theo quy định pháp luật.

Sau khi ông P và bà T trả hết số tiền còn nợ, bà Kim A sẽ giao trả lại cho ông P và bà T các giấy tờ mà bà Kim A đang giữ gồm:

Thông báo tạm cấp số nhà ngày 24/9/2001, Giấy chứng nhận số nhà ngày 23/8/2017, bản vẽ nhà ở, đất ở ngày 22/8/2017, phiếu lấy ý kiến khu dân cư, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Bản vẽ nhà ở, đất ở, bản đồ hiện trạng vị trí. Bà Kim A thống nhất sẽ cùng ông P và bà T huỷ hợp đồng uỷ quyền ngày 07/7/2020 sau khi ông P và bà T trả hết nợ.

2. Tại phiên toà, bị đơn ông Trương Thanh P trình bày:

Trước đây, ông P và bà T có vay của bà Kim A số tiền là 400.000.000 đồng, nhưng sau đó không có tiền trả tiền gốc và tiền lãi nên bà Kim A yêu cầu ký lại giấy tờ các bên thống nhất số tiền nợ là 600.000.000 đồng. Tuy nhiên ông chỉ đồng ý trả số tiền nợ 400.000.000 đồng, trả hàng tháng từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Đề nghị bà Kim A giao trả lại cho ông P và bà T các giấy tờ mà bà Kim A đang giữ. Ông không có tài liệu chứng cứ gì để giao cho Tòa án.

3. Tại phiên toà, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Trước đây ông P và bà T có vay của bà Kim A số tiền là 400.000.000 đồng, nhưng sau đó không có tiền trả tiền gốc và tiền lãi nên bà Kim A yêu cầu ký lại giấy tờ các bên thống nhất số tiền nợ là 600.000.000 đồng. Tuy nhiên hiện tại gia đình rất khó khăn nên chỉ đồng ý trả số tiền nợ 600.000.000 đồng, trả hàng tháng từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Đề nghị bà Kim A giao trả lại cho ông P và bà T các giấy tờ mà bà Kim A đang giữ. Bà không có tài liệu chứng cứ gì để giao cho Tòa án.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm:

4.1. Về tố tụng:

Thẩm quyền thụ lý vụ án đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 40 Bộ Luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015; Xác định tư cách tố tụng đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS năm 2015; Thu thập chứng cứ đúng theo quy định Điều 91, 96, 97, 98 BLTTDS năm 2015; Thủ tục hòa giải theo đúng quy định tại Điều 205, 208 BLTTDS năm 2015; Thủ tục cấp tổng đạt các văn bản phù hợp quy định tại Điều 177, 179 BLTTDS năm 2015. Thời gian gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát đúng quy định khoản 2 Điều 220 BLTTDS năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật.

4.2. Về nội dung:

Ông P và bà T thừa nhận có ký Biên bản thỏa thuận giao nhận tiền ngày 07/7/2020 với số tiền nợ là 600.000.000 đồng. Tuy nhiên phương án trả số tiền trên hàng tháng từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng thì không có thiện chí nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 Buộc ông Trương Thanh P và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Kim A tổng số tiền gốc còn nợ là 600.000.000 đồng.

Ghi nhận việc bà Kim A đồng ý trả lại toàn bộ bản chính giấy tờ đã giữ của ông P và bà T và hủy hợp đồng uỷ quyền ngày 07/7/2020 sau khi ông P và bà T trả hết số tiền nợ bao gồm cả gốc và lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn buộc ông Trương Thanh P và bà Nguyễn Thị T trả lại số tiền nợ theo Biên bản thỏa thuận giao nhận tiền ngày 07/7/2020. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Bị đơn trong vụ án là ông P và bà T có nơi cư trú tại địa chỉ D ấp G, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập sau ngày 01/01/2017 nên thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn không tham gia tố tụng nên Tòa án ghi nhận các chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn phải chịu hậu quả của việc không thực hiện nghĩa vụ (cung cấp chứng cứ) theo khoản 25 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, thể hiện:

[2.1] Về thời gian vay tiền và số tiền vay:

Căn cứ Biên bản thỏa thuận giao nhận tiền ngày 07/7/2020 và lời thừa nhận tại phiên tòa của ông P và bà T xác định có việc bà Phạm Thị Kim A cho ông P và bà T vay số tiền 600.000.000 đồng. Ông P có nêu việc chỉ vay số tiền 400.000.000 đồng nhưng không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện việc vay số tiền này. Ông P và bà T cùng thừa nhận biên bản thỏa thuận giao tiền là chữ ký của ông bà , ông P và bà T đồng ý trả tiền cho bà Kim A nhưng không có phương án hợp lý chỉ nêu sẽ đồng ý trả hàng tháng số tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng và không có tài liệu

chứng cứ gì xuất trình tại phiên toà nên không có căn cứ để chấp nhận. Việc ông P và bà T không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại các Điều 280, 466 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Kim A, cần buộc bị đơn có nghĩa vụ trả ngay cho nguyên đơn số tiền nợ là 600.000.0000 đồng.

Bà Kim A không yêu cầu tiền lãi tính đến ngày xét xử của số tiền 600.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà Kim A yêu cầu tính lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, nên bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ghi nhận việc bà Kim A đồng ý trả lại toàn bộ bản chính giấy tờ đã giữ của ông P và bà T và huỷ hợp đồng uỷ quyền ngày 07/7/2020 sau khi ông P và bà T trả hết toàn bộ tiền nợ gốc và lãi.

[2.2] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim A. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông P và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông P và bà T là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Phạm Thị Kim A được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim A: Buộc ông Trương Thanh P và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả ngay cho bà Phạm Thị Kim A tổng số tiền gốc còn nợ là 600.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ông P và bà T trả hết toàn bộ nợ gốc và lãi cho bà Kim A, bà Kim A có trách nhiệm cùng ông P và bà T huỷ hợp đồng uỷ quyền ngày 07/7/2020 và giao trả lại cho ông P và bà T các giấy tờ mà bà Kim A đang giữ gồm:

Thông báo tạm cấp sổ nhà ngày 24/9/2001, Giấy chứng nhận sổ nhà ngày 23/8/2017, bản vẽ nhà ở, đất ở ngày 22/8/2017, phiếu lấy ý kiến khu dân cư, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Bản vẽ nhà ở, đất ở và bản đồ hiện trạng vị trí.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trương Thanh P và bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Kim A toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0024919, ký hiệu: BLTU/23P ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Hóc Môn;
- Chi cục THADS H. Hóc Môn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Hồng Hải

